

ĐIỂM CÁC MÔN THI TUYỂN SINH 10 NĂM HỌC 2017 – 2018

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Bình Chánh	B.Chánh	278	5.94	4.61	3.49	24.48
THCS Gò Xoài	B.Chánh	75	6.30	4.04	3.96	25.83
THCS Hưng Long	B.Chánh	200	6.06	4.18	3.02	23.38
THCS Lê Minh Xuân	B.Chánh	212	6.41	4.29	3.94	26.08
THCS Đa Phước	B.Chánh	199	5.66	4.56	3.46	23.75
THCS Nguyễn Thái Bình	B.Chánh	237	6.59	4.88	3.86	27.07
THCS Nguyễn Văn Linh	B.Chánh	168	6.61	4.87	4.08	27.57
THCS Đồng Đen	B.Chánh	257	6.60	4.30	4.91	28.56
THCS Phạm Hữu Lầu	B.Chánh	1	6.50	7.00	6.25	34.00
THCS Phạm Văn Hai	B.Chánh	183	6.33	4.67	4.47	27.50
THCS Phong Phú	B.Chánh	191	6.29	4.88	3.83	26.29
THCS Qui Đức	B.Chánh	106	5.79	4.21	3.40	23.77
THCS Tân Kiên	B.Chánh	130	6.38	4.67	4.04	27.11
THCS Tân Nhựt	B.Chánh	163	6.42	4.19	4.09	26.62
THCS Tân Quý Tây	B.Chánh	181	6.08	4.01	4.00	25.44
THCS Tân Túc	B.Chánh	323	6.09	5.02	4.38	27.28
THCS Vĩnh Lộc A	B.Chánh	256	6.68	4.74	4.72	29.01
THCS Vĩnh Lộc B	B.Chánh	253	6.01	3.92	3.77	24.88
THCS Võ Văn Vân	B.Chánh	187	6.07	3.65	4.00	25.02
		3600	6.24	4.47	4.00	26.21
THCS An Thới Đông	Cần Giờ	184	4.60	2.54	2.05	16.41
THCS Bình Khánh	Cần Giờ	252	5.35	3.46	3.29	21.88
THCS Cần Thạnh	Cần Giờ	163	5.82	3.84	2.62	21.56
THCS Dơi Lầu	Cần Giờ	77	5.49	2.70	2.63	20.02
THCS Long Hoà	Cần Giờ	131	5.40	3.57	3.60	22.60
THCS Lý Nhơn	Cần Giờ	56	6.07	3.08	2.08	20.27
THCS Tam Thôn Hiệp	Cần Giờ	106	5.13	3.78	2.78	20.44
THCS Thạnh An	Cần Giờ	52	3.47	2.33	1.54	13.22
		1021	5.23	3.27	2.74	20.12
THCS An Nhơn Tây	Củ Chi	189	5.37	4.09	3.66	23.19
THCS An Phú	Củ Chi	81	5.06	3.45	2.67	19.79
THCS Bình Hòa	Củ Chi	178	5.63	3.83	2.90	22.03
THCS Hòa Phú	Củ Chi	136	5.58	4.09	3.48	23.53
THCS Nguyễn Văn Xơ	Củ Chi	139	5.16	3.80	2.75	21.01
THCS Nhuận Đức	Củ Chi	58	5.73	4.20	3.50	23.83

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Phạm Văn Cội	Củ Chi	93	5.67	3.65	3.30	22.86
THCS Phước Hiệp	Củ Chi	110	5.44	3.70	3.83	23.30
THCS Phước Thạnh	Củ Chi	183	5.86	3.48	3.51	23.44
THCS Phước Vĩnh An	Củ Chi	160	5.58	3.46	2.68	20.77
THCS Phú Hòa Đông	Củ Chi	232	5.52	3.97	2.82	21.87
THCS Phú Mỹ Hưng	Củ Chi	78	5.75	4.27	3.61	24.17
THCS Tân An Hội	Củ Chi	112	5.22	3.79	2.92	21.12
THCS Tân Phú Trung	Củ Chi	368	5.63	4.35	3.76	24.32
THCS Tân Thạnh Đông	Củ Chi	425	5.54	3.98	3.24	22.89
THCS Tân Thạnh Tây	Củ Chi	162	5.89	4.42	3.57	24.70
THCS Tân Thông Hội	Củ Chi	224	5.35	3.72	3.93	23.59
THCS Tân Tiến	Củ Chi	158	5.74	4.28	3.71	24.44
THCS Thị Trấn	Củ Chi	151	5.70	3.31	3.23	22.24
THCS Thị Trấn 2	Củ Chi	321	6.08	5.46	3.95	26.79
THCS Trung An	Củ Chi	159	5.55	4.07	3.46	23.35
THCS Trung Lập	Củ Chi	153	5.61	3.70	2.94	22.03
THCS Trung Lập Hạ	Củ Chi	99	5.68	3.28	3.16	22.38
		3969	5.60	4.03	3.38	23.21
THCS Lý Chính Thắng 1	Hóc Môn	333	5.90	4.88	3.40	24.69
THCS Đặng Công Bình	Hóc Môn	161	5.70	4.01	3.00	22.49
THCS Nguyễn An Khương	Hóc Môn	343	7.09	7.55	5.95	35.21
THCS Nguyễn Hồng Đào	Hóc Môn	347	5.72	4.98	3.85	25.43
THCS Đỗ Văn Dậy	Hóc Môn	209	6.24	4.22	3.74	25.51
THCS Đông Thạnh	Hóc Môn	487	6.15	4.43	3.28	24.65
THCS Phan Công Hớn	Hóc Môn	509	6.47	5.08	4.08	27.43
THCS Tân Xuân	Hóc Môn	346	5.98	4.48	3.60	24.67
THCS Tam Đông 1	Hóc Môn	304	6.31	4.48	3.14	24.45
THCS Thị Trấn	Hóc Môn	113	6.05	4.63	3.51	25.23
THCS Tô Ký	Hóc Môn	475	6.05	4.49	3.66	25.07
THCS Trung Mỹ Tây 1	Hóc Môn	242	6.00	5.35	4.38	27.26
THCS Xuân Thới Thượng	Hóc Môn	458	6.32	4.45	3.98	26.45
		4327	6.19	4.88	3.85	26.22
THCS Hai Bà Trưng	Nhà Bè	241	6.64	4.68	3.65	26.64
THCS Hiệp Phước	Nhà Bè	150	6.14	3.68	3.98	25.10
THCS Lê Văn Hữu	Nhà Bè	233	6.57	5.37	4.87	29.79
THCS Nguyễn Bình Khiêm	Nhà Bè	281	7.24	5.86	4.67	31.15
THCS Nguyễn Văn Quỳ	Nhà Bè	188	7.02	5.20	4.25	29.28

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Phước Lộc	Nhà Bè	87	6.21	4.42	4.77	27.74
		1180	6.73	5.03	4.35	28.64
THCS An Lạc	Bình Tân	225	7.07	5.67	4.46	30.06
THCS Bình Hưng Hòa	Bình Tân	194	5.93	4.67	4.14	25.95
THCS Bình Tân	Bình Tân	342	6.40	5.29	4.34	28.11
THCS Bình Trị Đông	Bình Tân	315	6.44	5.05	4.06	27.44
THCS Bình Trị Đông A	Bình Tân	286	6.23	4.49	4.38	26.91
THCS Hồ Văn Long	Bình Tân	252	6.89	5.06	4.36	29.01
THCS Huỳnh Văn Nghệ	Bình Tân	358	6.32	4.60	4.70	28.01
THCS Lê Tấn Bê	Bình Tân	154	6.26	4.95	3.63	25.83
THCS Lý Thường Kiệt	Bình Tân	449	6.70	5.16	4.55	28.93
THCS Nguyễn Trãi	Bình Tân	143	6.22	4.49	3.66	25.33
THCS Tân Tạo	Bình Tân	220	6.59	5.41	4.66	29.18
THCS Tân Tạo A	Bình Tân	132	5.78	3.87	2.79	21.81
THCS Trần Quốc Toản	Bình Tân	555	6.19	4.40	4.29	26.51
THCS và THPT Ngôi Sao	Bình Tân	45	7.26	7.17	5.31	33.77
THCS và THPT Phan Châu Trinh	Bình Tân	12	5.52	4.31	3.42	23.23
		3682	6.42	4.90	4.29	27.56
THCS Bình Lợi Trung	B.Thạnh	326	6.31	5.37	4.70	28.35
THCS Bình Quới Tây	B.Thạnh	150	6.72	4.93	4.52	28.49
THCS Cửu Long	B.Thạnh	115	6.20	5.30	4.37	27.50
THCS Cù Chính Lan	B.Thạnh	149	6.48	5.23	3.81	26.69
THCS Hà Huy Tập	B.Thạnh	472	6.63	7.00	5.64	32.86
THCS Lam Sơn	B.Thạnh	265	6.22	5.63	4.55	28.42
THCS Lê Văn Tám	B.Thạnh	319	7.14	7.83	6.18	36.01
THCS Nguyễn Văn Bé	B.Thạnh	456	6.87	7.32	5.55	33.48
THCS Điện Biên	B.Thạnh	90	5.96	5.34	3.33	24.84
THCS Đồng Đa	B.Thạnh	316	6.93	7.51	5.70	34.03
THCS Phú Mỹ	B.Thạnh	429	6.03	6.11	4.91	29.28
THCS Rạng Đông	B.Thạnh	105	5.55	4.75	3.62	23.98
THCS Thanh Đa	B.Thạnh	187	6.14	5.51	4.36	27.44
THCS Trương Công Định	B.Thạnh	297	6.10	5.30	4.63	27.79
THCS Yên Thế	B.Thạnh	68	5.93	4.63	3.49	24.23
TiH THCS THPT Mùa Xuân	B.Thạnh	11	5.93	6.77	4.66	28.32
		3755	6.46	6.25	4.99	30.32
THCS An Nhơn	Gò Vấp	200	6.92	5.57	5.03	30.83
THCS Gò Vấp	Gò Vấp	280	6.85	6.68	5.02	31.82

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Huỳnh Văn Nghệ	Gò Vấp	357	6.27	5.34	4.64	28.47
THCS Lý Tự Trọng	Gò Vấp	440	5.93	4.94	4.49	27.14
THCS Nguyễn Du	Gò Vấp	413	7.33	7.83	5.74	35.57
THCS Nguyễn Trãi	Gò Vấp	465	6.84	6.65	5.55	32.90
THCS Nguyễn Văn Nghi	Gò Vấp	323	6.84	6.09	4.82	30.75
THCS Nguyễn Văn Trỗi	Gò Vấp	533	7.02	6.64	5.25	32.67
THCS Phạm Văn Chiêu	Gò Vấp	415	6.84	6.17	5.28	31.79
THCS Phan Tây Hồ	Gò Vấp	639	6.79	6.55	5.19	31.91
THCS Quang Trung	Gò Vấp	444	6.65	6.67	4.81	31.01
THCS Tân Sơn	Gò Vấp	382	6.50	6.14	4.43	29.34
THCS Thông Tây Hội	Gò Vấp	284	6.83	5.84	4.77	30.47
THCS Trường Sơn	Gò Vấp	141	7.05	5.55	4.85	30.85
THPT Dân Lập Hermann Gmeiner	Gò Vấp	84	6.32	5.64	4.50	28.61
		5400	6.74	6.27	5.02	31.20
THCS Cầu Kiệu	P.Nhuận	269	6.33	6.80	4.93	30.81
THCS Châu Văn Liêm	P.Nhuận	130	6.08	5.90	4.48	28.30
THCS Đào Duy Anh	P.Nhuận	179	6.09	6.97	5.09	30.65
THCS Ngô Tất Tố	P.Nhuận	479	6.39	6.68	4.92	30.68
THCS Độc Lập	P.Nhuận	283	6.17	6.38	4.71	29.39
THCS Sông Đà	P.Nhuận	73	6.47	7.00	4.41	30.14
THCS-THPT Hồng Hà	P.Nhuận	36	5.33	4.73	2.78	21.09
THPT Quang Trung Nguyễn Huệ	P.Nhuận	6	5.50	5.50	3.71	24.17
THCS-THPT Việt Anh	P.Nhuận	11	4.95	6.41	3.27	23.41
TiH, THCS và THPT Quốc Tế	P.Nhuận	1	6.00	7.00	3.00	25.00
		1467	6.23	6.57	4.77	29.89
THCS Âu Lạc	Tân Bình	98	6.14	5.85	4.91	29.27
THCS Hoàng Hoa Thám	Tân Bình	678	6.60	6.71	5.39	31.97
THCS Lý Thường Kiệt	Tân Bình	229	5.96	5.25	4.02	26.20
THCS Ngô Quyền	Tân Bình	563	6.24	6.55	4.97	30.32
THCS Ngô Sĩ Liên	Tân Bình	582	6.44	6.70	4.85	30.62
THCS Nguyễn Gia Thiều	Tân Bình	536	7.04	7.92	6.33	36.21
THCS Phạm Ngọc Thạch	Tân Bình	188	5.83	4.82	3.94	25.82
THCS Quang Trung	Tân Bình	339	6.44	5.90	5.08	30.21
THCS Tân Bình	Tân Bình	484	6.68	7.16	5.38	32.71
THCS Trần Văn Đang	Tân Bình	116	5.81	5.18	4.16	26.17
THCS Trường Chinh	Tân Bình	501	6.86	7.29	5.80	34.09
THCS và THPT Việt Mỹ	Tân Bình	15	4.60	6.38	2.87	22.18

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Võ Văn Tần	Tân Bình	327	5.67	5.25	4.10	25.86
THCS-THPT Nguyễn Khuyến	Tân Bình	220	6.50	7.68	5.78	32.31
THCS-THPT Thái Bình	Tân Bình	16	5.75	6.14	4.83	27.64
THCS-THPT Việt Thanh	Tân Bình	2	5.50	3.88	3.75	22.38
TiH, THCS & THPT Thanh Bình	Tân Bình	33	5.36	4.94	2.42	20.89
THCS và THPT Thái Bình Dương	Tân Bình	6	6.46	8.25	4.67	30.67
TT GDTX Tân Bình	Tân Bình	6	4.38	3.04	0.75	13.38
		4939	6.44	6.60	5.14	31.02
THCS Hùng Vương	Tân Phú	246	6.93	5.64	4.76	30.76
THCS Lê Anh Xuân	Tân Phú	663	7.14	6.93	6.17	35.10
THCS Lê Lợi	Tân Phú	518	6.65	6.19	5.15	31.16
THCS Đặng Trần Côn	Tân Phú	403	6.82	5.90	5.16	31.45
THCS Nguyễn Huệ	Tân Phú	264	6.10	5.12	4.46	27.64
THCS Đồng Khởi	Tân Phú	597	6.99	6.56	5.87	33.95
THCS Phan Bội Châu	Tân Phú	499	6.50	5.49	4.52	28.91
THCS Tân Thới Hòa	Tân Phú	392	7.02	5.51	4.49	30.21
THCS Thoại Ngọc Hầu	Tân Phú	262	6.95	5.75	5.24	31.77
THCS Trần Quang Khải	Tân Phú	401	7.10	7.00	5.68	34.02
THCS và THPT Hồng Đức	Tân Phú	12	3.08	2.60	2.10	13.31
THCS và THPT Nhân Văn	Tân Phú	5	4.20	4.30	2.90	18.80
THCS và THPT Đinh Tiên Hoàng	Tân Phú	8	5.06	3.53	3.13	19.91
THCS và THPT Tân Phú	Tân Phú	7	4.50	2.93	2.11	16.50
THCS và THPT Trí Đức	Tân Phú	23	4.85	3.72	3.16	19.80
THCS Võ Thành Trang	Tân Phú	405	7.05	5.91	4.99	31.45
THPT Nam Việt	Tân Phú	4	4.75	5.19	2.19	19.19
TiH THCS THPT Hòa Bình	Tân Phú	5	7.20	5.85	3.90	28.95
THCS và THPT Quốc Văn Sài Gòn	Tân Phú	3	4.67	2.92	2.08	17.25
TT GDTX Quận Tân Phú	Tân Phú	5	3.90	1.70	1.80	13.10
		4722	6.83	6.08	5.20	31.67
Phổ thông NKTT Olympic	Thủ Đức	9	3.03	3.36	1.69	13.08
THCS Bình Chiểu	Thủ Đức	366	6.04	5.79	3.79	26.54
THCS Bình Thộ	Thủ Đức	190	6.28	6.62	4.76	29.99
THCS Hiệp Bình	Thủ Đức	329	5.83	5.13	4.09	26.27
THCS Lê Quý Đôn	Thủ Đức	419	5.92	6.49	4.42	28.34
THCS Lê Văn Việt	Thủ Đức	129	6.68	6.53	4.57	30.41
THCS Linh Đông	Thủ Đức	250	5.95	5.33	3.57	25.51
THCS Linh Trung	Thủ Đức	276	5.68	5.87	3.99	26.56

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Ngô Chí Quốc	Thủ Đức	396	6.18	5.53	3.93	26.61
THCS Nguyễn Văn Bá	Thủ Đức	302	5.92	5.36	4.05	26.54
THCS Tam Bình	Thủ Đức	273	5.91	5.81	4.07	26.99
THCS Thái Văn Lung	Thủ Đức	349	5.66	5.14	3.89	25.25
THCS Trương Văn Ngu	Thủ Đức	214	6.15	5.71	3.77	26.80
THCS Trường Thọ	Thủ Đức	340	5.81	5.57	3.96	26.33
THCS Xuân Trường	Thủ Đức	180	5.80	5.00	3.97	26.04
TT GDTX Thủ Đức	Thủ Đức	2	6.25	5.25	5.63	30.25
		4024	5.94	5.67	4.03	26.80
THCS Chu Văn An	Quận 1	242	6.78	6.06	4.85	30.43
THCS Huỳnh Khương Ninh	Quận 1	78	6.19	6.17	4.81	29.32
THCS Minh Đức	Quận 1	437	6.62	6.53	4.49	30.18
THCS Nguyễn Du	Quận 1	284	7.43	8.18	5.81	36.21
THCS Đồng Khởi	Quận 1	210	6.62	6.01	4.36	29.28
THCS Đức Trí	Quận 1	240	6.98	6.52	4.70	31.23
THCS Trần Văn Ơn	Quận 1	586	6.96	7.64	5.75	34.58
THCS Văn Lang	Quận 1	140	6.48	5.45	4.26	28.03
THCS Võ Trường Toản	Quận 1	391	7.06	7.55	5.65	34.47
THCS-THPT Đăng Khoa	Quận 1	6	5.38	4.25	2.63	20.50
THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	Quận 1	326	7.79	9.48	7.84	42.75
THPT Lương Thế Vinh	Quận 1	379	7.32	6.87	5.31	33.42
THPT Năng khiếu TDTT	Quận 1	19	5.11	2.68	1.89	17.95
TiH, THCS và THPT Úc Châu	Quận 1	3	6.67	6.17	5.58	32.00
		3341	7.00	7.16	5.39	33.40
THCS Cách Mạng Tháng Tám	Quận 10	184	6.11	6.00	4.21	27.96
THCS Hoàng Văn Thụ	Quận 10	381	6.41	6.04	4.73	29.57
THCS Lạc Hồng	Quận 10	246	6.58	5.96	4.72	29.85
THCS Nguyễn Tri Phương	Quận 10	207	7.15	6.52	4.89	32.01
THCS Nguyễn Văn Tố	Quận 10	236	7.53	8.50	6.46	38.15
THCS Trần Phú	Quận 10	217	6.57	5.93	4.68	29.55
THCS và THPT Duy Tân	Quận 10	6	3.75	3.25	1.79	15.17
THPT Diên Hồng	Quận 10	98	6.39	4.91	4.39	27.77
THPT Sương Nguyệt Anh	Quận 10	209	6.10	5.41	3.68	26.11
TiH-THCS và THPT Vạn Hạnh	Quận 10	14	6.09	6.63	4.13	28.05
TiH-THCS và THPT Việt Úc	Quận 10	42	4.87	5.92	3.89	23.91
		1840	6.57	6.24	4.74	30.14

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Chu Văn An	Quận 11	351	6.78	6.91	5.39	33.17
THCS Hậu Giang	Quận 11	297	6.15	5.00	3.85	27.09
THCS Lê Anh Xuân	Quận 11	344	6.48	5.23	3.91	27.78
THCS Lê Quý Đôn	Quận 11	356	6.49	5.90	4.47	29.41
THCS Lữ Gia	Quận 11	342	6.21	5.96	3.99	27.91
THCS Nguyễn Huệ	Quận 11	80	6.31	4.79	4.37	27.81
THCS Nguyễn Minh Hoàng	Quận 11	84	7.39	6.20	4.56	32.09
THCS Nguyễn Văn Phú	Quận 11	235	6.64	6.22	4.57	30.45
THCS Phú Thọ	Quận 11	211	6.72	5.77	4.71	30.63
THCS Việt Mỹ	Quận 11	12	6.67	7.73	4.13	30.94
THCS và THPT Trương Vĩnh Ký	Quận 11	108	5.29	6.06	3.41	24.80
		2420	6.46	5.86	4.36	29.28
THCS An Phú Đông	Quận 12	217	6.89	5.05	4.51	29.29
THCS Lương Thế Vinh	Quận 12	213	6.54	4.21	4.31	27.18
THCS Nguyễn An Ninh	Quận 12	440	6.47	6.06	4.79	29.93
THCS Nguyễn Ảnh Thủ	Quận 12	163	7.16	5.40	4.71	30.57
THCS Nguyễn Hiền	Quận 12	338	6.65	6.13	4.97	30.60
THCS Nguyễn Huệ	Quận 12	736	6.42	5.89	4.81	29.75
THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp	Quận 12	230	6.65	5.30	4.80	29.41
THCS Phan Bội Châu	Quận 12	511	7.45	5.89	5.13	32.36
THCS Trần Hưng Đạo	Quận 12	293	7.10	5.57	4.55	30.35
THCS Trần Quang Khải	Quận 12	496	6.89	5.85	5.12	31.27
THCS và THPT Bắc Sơn	Quận 12	2	6.75	4.75	2.13	22.50
THCS và THPT Lạc Hồng	Quận 12	15	3.03	2.88	1.35	11.65
THCS-THPT Bạch Đằng	Quận 12	4	4.88	3.63	2.69	18.75
TiH THCS THPT Mỹ Việt	Quận 12	6	5.88	3.83	4.83	25.25
		3664	6.77	5.68	4.82	30.21
THCS An Phú	Quận 2	356	6.43	6.35	4.95	30.39
THCS Bình An	Quận 2	123	6.09	5.22	4.58	27.79
THCS Giồng Ông Tố	Quận 2	241	6.43	5.79	4.29	28.55
THCS Lương Định Của	Quận 2	188	6.54	6.39	5.24	31.26
THCS Nguyễn Thị Định	Quận 2	118	5.62	4.38	4.01	24.85
THCS Nguyễn Văn Trỗi	Quận 2	110	5.56	4.61	3.27	23.27
THCS Thạnh Mỹ Lợi	Quận 2	179	6.47	5.22	4.11	27.65
Song ngữ Quốc tế Horizon	Quận 2	4	4.25	5.81	3.13	21.31
		1319	6.27	5.67	4.49	28.45

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Bạch Đằng	Quận 3	217	7.25	7.34	5.68	34.81
THCS Bàn Cờ	Quận 3	306	6.84	7.20	5.28	32.95
THCS Colette	Quận 3	380	7.00	7.71	5.77	34.69
THCS Hai Bà Trưng	Quận 3	332	7.14	7.20	5.20	33.27
THCS Kiến Thiết	Quận 3	125	7.49	6.65	5.15	33.61
THCS Lê Lợi	Quận 3	314	6.85	6.91	5.37	32.85
THCS Lê Quý Đôn	Quận 3	651	7.20	7.99	5.98	35.94
THCS Lương Thế Vinh	Quận 3	85	6.17	4.60	3.70	25.45
THCS Đoàn Thị Điểm	Quận 3	211	7.18	6.54	6.09	34.50
THCS Phan Sào Nam	Quận 3	99	7.24	5.60	5.05	31.55
THCS Thăng Long	Quận 3	62	6.58	5.99	4.73	29.81
TiH-THCS Tây Úc	Quận 3	2	2.38	3.50	1.38	11.00
THCS-THPT Quốc tế Á Châu	Quận 3	174	6.27	7.23	4.51	29.71
TT GDTX Quận 3	Quận 3	5	3.90	2.95	2.55	16.05
		2963	7.00	7.19	5.46	33.57
THCS Chi Lăng	Quận 4	181	6.48	5.17	4.53	28.62
THCS Khánh Hội A	Quận 4	158	6.90	5.89	3.73	28.75
THCS Nguyễn Huệ	Quận 4	190	5.98	5.56	3.92	26.67
THCS Quang Trung	Quận 4	288	6.07	5.30	4.26	27.18
THCS Tăng Bạt Hổ A	Quận 4	361	6.68	5.77	4.35	29.30
THCS Vân Đồn	Quận 4	252	7.12	7.70	6.01	35.65
		1430	6.54	5.93	4.52	29.49
THCS Ba Đình	Quận 5	435	6.50	6.10	4.61	29.81
THCS Hồng Bàng	Quận 5	710	6.82	6.88	5.21	32.64
THCS Kim Đồng	Quận 5	410	6.67	6.81	5.12	32.02
THCS Lý Phong	Quận 5	267	6.67	6.38	4.87	31.02
THCS Mạch Kiếm Hùng	Quận 5	221	6.46	6.23	4.68	30.17
THCS Trần Bội Cơ	Quận 5	596	6.44	5.79	4.78	29.96
THPT Trần Hữu Trang	Quận 5	65	6.49	5.65	5.24	30.87
TiH-THCS Văn Lang	Quận 5	3	6.00	5.00	4.17	26.33
Trung học thực hành Sài Gòn	Quận 5	408	7.16	8.38	6.21	36.85
TT GDTX Quận 5	Quận 5	9	5.39	4.08	2.33	20.53
		3124	6.68	6.63	5.09	31.81
THCS Bình Tây	Quận 6	351	6.81	6.70	4.70	31.58
THCS Hậu Giang	Quận 6	245	6.88	5.77	4.94	30.97
THCS Hoàng Lê Kha	Quận 6	195	6.72	6.83	4.92	31.80
THCS Lam Sơn	Quận 6	441	6.78	7.09	4.90	32.03

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Nguyễn Đức Cảnh	Quận 6	156	6.58	5.29	4.66	29.35
THCS Nguyễn Văn Luông	Quận 6	347	6.72	6.32	4.73	30.74
THCS Đoàn Kết	Quận 6	228	6.15	4.95	3.49	25.76
THCS Phạm Đình Hổ	Quận 6	338	6.86	5.69	4.80	30.95
THCS Phú Định	Quận 6	339	6.51	5.70	4.70	29.63
THCS Văn Thân	Quận 6	133	5.95	4.18	2.90	23.25
THCS và THPT Đào Duy Anh	Quận 6	7	4.86	3.54	3.36	20.68
TiH THCS Mỹ Úc	Quận 6	9	5.81	6.69	3.75	26.47
		2789	6.65	6.05	4.59	30.15
THCS Hoàng Quốc Việt	Quận 7	319	6.08	4.89	4.38	27.17
THCS Huỳnh Tấn Phát	Quận 7	308	6.40	5.52	4.06	27.79
THCS Nam Sài Gòn	Quận 7	82	6.39	8.00	6.20	34.45
THCS Nguyễn Hiền	Quận 7	251	6.37	4.39	3.61	25.60
THCS Nguyễn Hữu Thọ	Quận 7	444	6.75	7.13	5.57	33.16
THCS Nguyễn Thị Thập	Quận 7	254	6.09	5.47	4.55	28.22
THCS Phạm Hữu Lầu	Quận 7	194	6.21	4.81	4.48	27.69
THCS Trần Quốc Tuấn	Quận 7	285	6.19	5.31	4.37	27.87
THCS và THPT Đình Thiện Lý	Quận 7	32	5.60	6.43	4.34	26.62
THCS và THPT Sao Việt	Quận 7	3	1.75	1.08	1.08	6.75
THCS-THPT Đức Trí	Quận 7	128	6.23	6.92	5.00	30.67
THCS và THPT Quốc tế Canada	Quận 7	1	7.50	10.00	4.00	33.00
TT GDTX Quận 7	Quận 7	4	5.75	4.06	3.50	22.56
		2305	6.32	5.70	4.60	28.90
THCS Bình An	Quận 8	266	5.75	4.78	4.15	25.50
THCS Bình Đông	Quận 8	244	6.10	4.90	4.36	27.21
THCS Chánh Hưng	Quận 8	566	6.44	5.54	4.47	28.67
THCS Dương Bá Trạc	Quận 8	248	5.99	4.93	3.98	26.14
THCS Khánh Bình	Quận 8	130	5.60	4.30	3.75	24.22
THCS Lê Lai	Quận 8	234	6.29	4.61	3.89	26.37
THCS Lý Thánh Tông	Quận 8	224	6.55	5.24	3.80	27.29
THCS Phan Đăng Lưu	Quận 8	145	6.19	5.21	3.54	25.69
THCS Sương Nguyệt Anh	Quận 8	218	6.40	4.68	3.51	25.92
THCS Trần Danh Ninh	Quận 8	50	5.66	4.01	2.91	21.97
THCS Tùng Thiện Vương	Quận 8	333	6.08	4.83	4.26	26.96
THPT NK TDTT Nguyễn Thị Định	Quận 8	23	4.52	3.09	2.21	17.24
		2681	6.16	4.96	4.04	26.64

TRƯỜNG	Q/H	Dự thi	Văn	Anh	Toán	BQ Tổng
THCS Hoa Lư	Quận 9	456	6.95	7.18	5.22	32.95
THCS Hưng Bình	Quận 9	241	5.37	3.82	3.80	23.43
THCS Long Bình	Quận 9	213	5.94	3.35	3.24	22.89
THCS Long Phước	Quận 9	107	6.18	3.14	2.93	22.54
THCS Long Trường	Quận 9	128	5.62	4.34	2.97	22.51
THCS Đặng Tấn Tài	Quận 9	334	6.32	5.41	3.90	26.88
THCS Phước Bình	Quận 9	295	6.28	5.67	4.21	27.65
THCS Phú Hữu	Quận 9	46	5.82	4.01	3.49	23.72
THCS Tân Phú	Quận 9	266	6.52	6.16	3.83	28.01
THCS Tăng Nhơn Phú B	Quận 9	262	6.90	5.98	4.18	29.45
THCS Trần Quốc Toản	Quận 9	408	7.20	6.20	4.94	31.72
THCS Trường Thạnh	Quận 9	101	5.89	4.70	3.71	24.85
THCS và THPT Hoa Sen	Quận 9	12	3.94	3.04	1.33	13.79
THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Quận 9	33	5.69	5.25	3.96	25.27
		2902	6.43	5.47	4.15	27.80
THÀNH PHỐ		72864	6.45	5.75	4.57	29.13